

PHÒNG GD&ĐT TRÀNG ĐỊNH

MA TRẬN

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ II – MÔN TIẾNG ANH LỚP 8

THỜI GIAN LÀM BÀI: 60 PHÚT

| TT              | Kĩ năng       | Mức độ nhận thức |                  |            |                  |           |                  |              |                  | Tổng      |                  |
|-----------------|---------------|------------------|------------------|------------|------------------|-----------|------------------|--------------|------------------|-----------|------------------|
|                 |               | Nhận biết        |                  | Thông hiểu |                  | Vận dụng  |                  | Vận dụng cao |                  |           |                  |
|                 |               | Tỉ lệ (%)        | Thời gian (phút) | Tỉ lệ (%)  | Thời gian (phút) | Tỉ lệ (%) | Thời gian (phút) | Tỉ lệ (%)    | Thời gian (phút) | Tỉ lệ (%) | Thời gian (phút) |
| 1               | Language      | 25               | 15               | 12,5       | 7,5              |           |                  |              |                  | 37,5      | 22,5             |
| 2               | Communication |                  |                  | 7,5        | 4,5              | 5         | 3                |              |                  | 12,5      | 7,5              |
| 3               | Reading       | 15               | 9                | 10         | 6                |           |                  |              |                  | 25        | 15               |
| 4               | Writing       |                  |                  |            |                  | 15        | 9                | 10           | 6                | 25        | 15               |
| Tổng            |               | 40               | 24               | 30         | 18               | 20        | 12               | 10           | 6                | 100       | 60               |
| Tỉ lệ (%)       |               | 40               |                  | 30         |                  | 20        |                  | 10           |                  |           |                  |
| Tỉ lệ chung (%) |               | 70               |                  |            |                  | 30        |                  |              |                  |           |                  |

**PHÒNG GD&ĐT TRÀNG ĐỊNH**

**BẢNG MÔ TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II LỚP 8**  
**THỜI GIAN LÀM BÀI: 60 PHÚT**

| TT                                                                                                                                                                  | Kĩ năng  | Đơn vị kiến thức/kỹ năng                                                                                                                   | Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá                                    | Số câu hỏi theo mức độ nhận thức |    |            |    |          |    |              |    | Tổng Số CH |    |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|----|------------|----|----------|----|--------------|----|------------|----|
|                                                                                                                                                                     |          |                                                                                                                                            |                                                                                     | Nhận biết                        |    | Thông hiểu |    | Vận dụng |    | Vận dụng cao |    |            |    |
|                                                                                                                                                                     |          |                                                                                                                                            |                                                                                     | TN                               | TL | TN         | TL | TN       | TL | TN           | TL | TN         | TL |
| I                                                                                                                                                                   | LANGUAGE | <b>Pronunciation</b><br>- Các nguyên âm, phụ âm đã học: /b/, /k/, /sp/, /st/, .....<br>- Trọng âm từ kết thúc bằng –al và –ous.            | <b>Nhận biết:</b><br>Nhận biết các âm thông qua các từ vựng theo chủ đề đã học.     | 3                                |    |            |    |          |    |              |    | 3          |    |
|                                                                                                                                                                     |          |                                                                                                                                            | <b>Thông hiểu:</b><br>Phân biệt được các âm trong các từ có 1 hoặc 2 âm tiết.       |                                  |    | 2          |    |          |    |              |    | 2          |    |
|                                                                                                                                                                     |          |                                                                                                                                            | <b>Vận dụng:</b>                                                                    |                                  |    |            |    |          |    |              |    |            |    |
|                                                                                                                                                                     |          | <b>Vocabulary</b><br>Từ vựng đã học theo chủ điểm.<br>- <i>Environmental protection</i><br>- <i>Shopping</i><br>- <i>Natural disasters</i> | <b>Nhận biết:</b><br>Nhận ra, nhớ lại, liệt kê được các từ vựng theo chủ đề đã học. | 4                                |    |            |    |          |    |              |    | 4          |    |
| <b>Thông hiểu:</b><br>- Hiểu và phân biệt được các từ vựng theo chủ đề đã học.<br>Nắm được các mối liên kết và kết hợp của từ trong bối cảnh và ngữ cảnh tương ứng. |          |                                                                                                                                            |                                                                                     | 1                                |    |            |    |          |    | 1            |    |            |    |

|            |                      |                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                             |   |  |   |   |  |  |  |  |   |  |
|------------|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|---|---|--|--|--|--|---|--|
|            |                      |                                                                                                                                                                                                                              | <b>Vận dụng:</b>                                                                            |   |  |   |   |  |  |  |  |   |  |
|            |                      | <b>Grammar</b><br>Các chủ điểm ngữ pháp đã học<br>-Complex sentences with adverb clauses of time<br>- Adverbs of frequency<br>- Present simple for future events<br>- Past continuous                                        | <b>Nhận biết:</b><br>Nhận ra được các kiến thức ngữ pháp đã học.                            | 3 |  |   |   |  |  |  |  | 3 |  |
|            |                      |                                                                                                                                                                                                                              | <b>Thông hiểu:</b><br>Hiểu và phân biệt các chủ điểm ngữ pháp đã học.                       |   |  | 2 |   |  |  |  |  | 2 |  |
|            |                      |                                                                                                                                                                                                                              | <b>Vận dụng:</b>                                                                            |   |  |   |   |  |  |  |  |   |  |
| <b>II</b>  | <b>COMMUNICATION</b> | Học sinh hiểu nội dung cuộc hội thoại ngắn về chủ đề đã học và sử dụng cụm từ cho sẵn để hoàn thành cuộc hội thoại                                                                                                           | Nhận biết                                                                                   |   |  |   |   |  |  |  |  |   |  |
|            |                      |                                                                                                                                                                                                                              | Thông hiểu”<br>- Hiểu được từ vựng, cụm từ đã học trong văn cảnh giao tiếp cụ thể.          |   |  | 3 |   |  |  |  |  | 3 |  |
|            |                      |                                                                                                                                                                                                                              | Vận dụng<br>- Hiểu và vận dụng được từ vựng, cụm từ đã học trong văn cảnh giao tiếp cụ thể. |   |  |   | 2 |  |  |  |  | 2 |  |
| <b>III</b> | <b>READING</b>       | <b>1. Cloze test</b><br>Hiểu được bài đọc có độ dài khoảng 100-120 từ và chọn đáp án đúng điền vào chỗ trống về các chủ điểm đã học:<br>- <i>Environmental protection</i><br>- <i>Shopping</i><br>- <i>Natural disasters</i> | <b>Nhận biết:</b><br>Nhận ra được các thành tố ngôn ngữ và liên kết về mặt văn bản.         | 3 |  |   |   |  |  |  |  | 3 |  |
|            |                      |                                                                                                                                                                                                                              | <b>Thông hiểu:</b><br>Phân biệt được các đặc trưng, đặc điểm các thành tố ngôn ngữ và       |   |  | 2 |   |  |  |  |  | 2 |  |

|    |         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                          |   |  |   |  |   |  |  |  |   |  |
|----|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|---|--|---|--|---|--|--|--|---|--|
|    |         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | liên kết về mặt văn bản.                 |   |  |   |  |   |  |  |  |   |  |
|    |         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Vận dụng:                                |   |  |   |  |   |  |  |  |   |  |
|    |         | <b>2. Readingcomprehension</b><br>Hiểu được nội dung chính và nội dung chi tiết đoạn văn bản có độ dài khoảng 100-120 từ, xoay quanh các chủ điểm có trong chương trình:<br>- <i>Environmental protection</i><br>- <i>Shopping</i><br>- <i>Natural disasters</i><br>Sau đó chọn phương án đúng để trả lời câu hỏi (tìm ý chính, từ đồng nghĩa hoặc từ quy chiếu thông tin chi tiết có trong bài) | Nhận biết:<br>Thông tin chi tiết.        | 3 |  |   |  |   |  |  |  | 3 |  |
|    |         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Thông hiểu:<br>Hiểu ý chính của bài đọc. |   |  | 2 |  |   |  |  |  | 2 |  |
|    |         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Vận dụng:                                |   |  |   |  |   |  |  |  |   |  |
| IV | WRITING | <b>1. Sentence transformation</b><br>Sử dụng từ hoặc cụm từ gợi ý để viết lại câu mang nghĩa tương đương với câu cho trước.<br>-Complex sentences with adverb clauses of time<br>- Adverbs of frequency                                                                                                                                                                                          | Thông hiểu:                              |   |  |   |  |   |  |  |  |   |  |
|    |         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Vận dụng:                                |   |  |   |  | 3 |  |  |  | 3 |  |

|      |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                     |    |  |    |  |   |   |   |   |    |   |
|------|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|----|--|----|--|---|---|---|---|----|---|
|      |  | <div>- Present simple for future events</div> <div>- Past continuous</div>                                                                                                                                                                                                                    | Hiểu câu gốc và sử dụng các từ gợi ý để viết lại câu sao cho nghĩa không thay đổi.  |    |  |    |  |   |   |   |   |    |   |
|      |  | <div><b>2. Sentence Building</b></div> <div>Sử dụng từ/ cụm từ gợi ý để viết câu, sử dụng từ và cấu trúc đã học:</div> <div>-Complex sentences with adverb clauses of time</div> <div>- Adverbs of frequency</div> <div>- Present simple for future events</div> <div>- Past continuous</div> | <b>Vận dụng cao:</b><br>Sử dụng các từ, cụm từ đã cho để viết thành câu hoàn chỉnh. |    |  |    |  |   |   | 2 |   | 2  |   |
| TỔNG |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                     | 16 |  | 12 |  | 2 | 3 |   | 2 | 30 | 5 |

*Tràng Định, ngày 28 tháng 09 năm 2024*  
Lãnh đạo duyệt

Đường Mạnh Hà

*Tràng Định, ngày 26 tháng 09 năm 2024*  
Người đề xuất

Lương Thị Ngọc Anh

*Tràng Định, ngày 26 tháng 09 năm 2024*  
Người thẩm định

Lương Minh Huệ

